

45 NĂM : XU HƯỚNG TỰ DO HÓA HÌNH THỨC THƠ

MÃ GIANG LÂN

Bốn lăm năm (1945-1990) thơ của chúng ta phát triển mạnh mẽ và có những thành tựu khời. Đó là nền thơ ra đời từ cuộc sống cách mạng giàu tính chiến đấu và lạc quan, nhạy bén k phản ánh được thực tế sinh động, phong phú với những chi tiết, cụ thể nhưng khái quát được vấn đề lớn của dân tộc của thời đại. Trên cơ sở của sự thống nhất về tư tưởng thẩm mỹ, lý tu hội phong trào đã tạo ra những bước tiến quan trọng. Đó là sự cách tân mạnh bạo về phươn nội dung và hình thức. Hình thức thơ phát triển và bộc lộ rõ ở thể tài.

Các nhà thơ tiếp tục sử dụng một cách sáng tạo các thể thơ dân tộc. Từ thơ 5 chữ, 7 chữ, lục bát quen thuộc đến các thể dặm về nô n na, các thể thơ văn xuôi cổ như câu đối, phú, văn những kết cấu sử thi, truyện nô n dân gian đến những qui mô kịch thơ, trường ca hiện đại. Ở n thơ đều có những đóng góp làm phong phú thể tài. Bên cạnh việc đổi mới các thể tài thơ dân t tự do phát triển mạnh mẽ. Thơ tự do tiến dần lên thơ không vần và thơ văn xuôi. Sự biến dung đòi hỏi sự biến đổi về hình thức, hình thức phải phù hợp với nội dung.

Những ngày đầu Cách mạng tháng Tám, không khí khẩn trương, quyết liệt, dữ dội, thơ p hình thức mới. *Hồ Chí Minh, Đêm xanh, Lạnh nhạt* của Tố Hữu, *Tình sông núi, Nhớ máu* củ Mai Ninh, *Hải phòng 19-11-1946* của Trần Huyền Trân ra đời là đương nhiên. Các nhà thơ này n.ư Thôi Hữu, Hồng Nguyên, Chính Hữu, Xuân Miên... thường bắt đầu bằng những bà chữ, ý mới nhưng cốt cách cũ. Lui về sau đó ít năm các tác giả ấy mới có những bài thơ than Đây là những bài thơ viết theo thể tự do. Những bài đạt của Hoàng Trung Thông cũng ở thể t *Bài ca vỡ đất, Cây lúa sức người, Bao giờ trở lại...* Nguyễn Đình Thi viết nhiều bài thơ kh *Đường núi, Không nói, Đêm mất tình...* Bỏ hết vần, chỉ giữ lại âm điệu, âm hưởng thơ. Tố l nhiều bài thơ hay viết theo thể dân tộc, nhưng cũng có nhiều bài thơ hay viết theo thể tự do n *đường, Hoan hô chiến sĩ Điện Biên, Ta đi tới*. Đặc biệt các nhà thơ trẻ đã gây ấn tượng m người đọc và tạo ra chất lượng cho thơ kháng chiến chống thực dân Pháp bằng những bài t theo thể tự do như *Đèo Cù, Màu tím hoa sim* (Hữu Loan), *Bài ca vỡ đất* (Hoàng Trung Thôn *Cắm sơn* (Thôi Hữu), *Đồng chí* (Chính Hữu), *Nhớ* (Hồng Nguyên), *Không nói* (Xuân Miế *kiá Trường Sơn* (Hùng Phi), *Mưa núi* (M.ah Hiệu). Hình thức là thơ tự do nhưng vẫn giữ d cách dân tộc. Và dù là thơ tự do nhưng vẫn có mức độ, vẫn giữ được liều lượng nhất định điệu, âm điệu để thơ đạt được yêu cầu đại chúng, thấm vào quần chúng và có tác dụng tích cụ quần chúng.

Từ năm 1954 về sau, thơ Việt Nam phát triển phong phú, trong đó thơ tự do chiếm m quan trọng và trở thành một thể thơ quen thuộc, gần gũi với mọi người. Trong chống Mỹ cù và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực tế đất nước không ngừng biến đổi. Những chiếm công vang hai miền, những con người mới mang phẩm chất anh hùng, những nếp sống và tư tưởng tinh c đã tác động đến nội dung và hình thức thơ. Mặt khác lúc này chúng ta có điều kiện tiếp xúc và nhiều hơn với thơ hiện đại nước ngoài. Thơ nước ngoài được dịch ra tiếng Việt chủ yếu là tro thức thơ tự do. Thực ra thơ tự do lúc này vẫn tiếp tục và phát triển hình thức thơ tự do như trước. Có điều bây giờ nó được nâng cao hơn, mạnh mẽ hơn.

ời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp thơ tự do phát triển, thành công và phát huy tác dụng trong quần chúng là ở dạng *hợp thể* và *biến thể*. Từ hòa bình, xây dựng miền Bắc, nhất là năm chống Mỹ thơ tự do chuyển mạnh sang *phá thể*. Bài thơ hợp thể tiêu biểu là bài *Phá* (Tố Hữu). Bài thơ đã phối hợp mấy thể thơ quen thuộc của dân tộc: song thất lục bát, bốn chữ cuối mỗi đoạn thơ thường là những câu lục bát. Ở những bài thơ biến thể, các câu thơ kết nối nhau thành một kết cấu mới mà có đoạn người đọc nhận ra thể thơ cách luật, có đoạn không nhận ra thể thơ gốc của nó. Chẳng hạn bài *Nhớ* (Hồng Nguyên). Các câu thơ dài ngắn kết hợp với nhau ở nhiều đoạn thơ người đọc vẫn nhận ra thể thơ gốc của nó, đó là những đoạn thơ biến thể 6 chữ, 7 chữ, 8 chữ, nhiều đoạn thơ giữ nguyên thể thơ 4 chữ.

khả năng biểu hiện của thơ tự do rất lớn. Nó hoàn toàn không bị gò bó bởi những qui tắc, luật lệ như các thể thơ dân tộc. Và càng về sau nó càng có *những tìm tòi thể nghiệm mới trong luật của câu thơ*. Có người kéo dài câu thơ bằng lối xuống dòng không viết hoa chữ đầu dòng để tạo ra những câu thơ dài theo chiều dọc. Câu thơ có khả năng thể hiện trọn vẹn một ý muốn nói chỉ riêng một câu thơ ngắn thì chưa nói hết được. Tế Hanh, Trinh Đường hay sử dụng hình thức như sau:

Người thủy thủ

nhìn mặt trời sắp tắt,

thấy lòng mình biển cháy mênh mông

ngày mai đây

ngày chiến đấu sau cùng,

các anh sẽ về miền Nam yêu quý

(Tế Hanh - *Người thủy thủ và con chim én*)

Trong một số bài thơ tự do xuất hiện hình thức câu thơ bậc thang, coi trọng những nhịp ngắt câu, tạo nên khả năng diễn đạt của từng từ, từng nhóm từ ở cả hai phương diện nội dung và hình thức, ý của thơ được nhấn mạnh hơn và câu thơ sẽ được tăng thêm sức gợi cảm và nhạc điệu. Bài thơ *Với Lenin* Tố Hữu đã sử dụng rất đắt lối ngắt nhịp theo bậc thang ở hai câu kết:

Tôi vẫn thấy Lê nin

Bình thường khỏe mạnh

Giữa mùa đông nước Nga

Cùng công nhân đi vác gỗ xây nhà

Và chiều nay trước phút vội đi xa

Người còn nghe

thánh thốt

Krupskaya

Đọc trang sách

"Tình yêu cuộc sống"

Bài thơ Nguyễn Khoa Điềm cũng kết thúc bài thơ *Con gà đất, cây kèn và khẩu súng* bằng câu thơ bậc thang rất thành công. Câu thơ bậc thang ngắt làm ba bậc làm nổi lên ba quãng đời của một người chiến sĩ Giải phóng quân từ những cơ cực và mơ ước của tuổi thơ qua những tủi nhục vươn tới ánh sáng của cách mạng.

Người thời kèn nhận phần mình khẩu súng

Như nhận một chỗ ngồi dưới tay nhạc trưởng

Chợt hiểu rằng đây khao khát thăm sâu
Mẹ đã hẹn một lần và anh đợi từ lâu
Anh đã đi từ
Con gà đất

cây kèn

và khẩu súng

Đề nhận lấy tình yêu của thuở ban đầu.

- Lại có trường hợp kéo dài câu thơ theo chiều ngang làm thành những câu thơ văn xuôi
văn xuôi là một nét đường phát triển của thơ tự do. Từ năm 1950 Chế Lan Viên viết *Chào*
theo lối thơ văn xuôi, sau đó ông lại thu gọn lại ở các bài khác theo cách đặt câu ngắn hơn hoặc
các thể thơ cách luật dân tộc. Đến những năm sau này thơ văn xuôi mới được người viết và cả
độc giả ý hơn. Trong tập *Ánh sáng và phù sa*, Chế Lan Viên giới thiệu ba bài *Cành phong lan*,
Tàu đến, Tàu đi, gọi chung là văn xuôi về một vùng thơ. Đầu những năm sáu mươi, Huy Cận
Lúa mới, Trắc ơi!... mạch thơ mở rộng kéo dài đến 20, 22 chữ nhưng vẫn nhịp nhàng và già
điệu. Ở đây cấu trúc của câu thơ văn xuôi gần với cấu trúc của câu văn xuôi. Cái khác là các
mang đầy đủ những phẩm chất cơ bản của thơ: tính hình tượng, cách điệu hóa, rung động, liên
và vận dụng ngôn ngữ đều nằm trong quá trình chọn lọc sáng tạo. Cách tả biển của Chế Lan Viên

Xanh biếc màu xanh, bề như hàng nghìn mùa thu qua

còn để tâm hồn nằm đọng lại

Sáng như hàng nghìn trưa xanh trời đã tan xanh ra

thành bề và thôi không trở lại làm trời

Nếu núi là con trai thì bề là phần yêu điệu nhất

của quê hương đã biến thành con gái

(*Cành phong lan bề*)

Và Huy Cận reo mừng khi có *Lúa mới*:

Gió nhẹ nhàng chở lúa

Về xóm thôn cái cồng mở rộng rênh

Như cánh mũi em bé phập phồng thở sữa mẹ khi

binh minh ngủ dậy

Lúa ! Lúa ! vui ríu rít như răng cười, bông đầy

hạt mẩy

Lúa lao xao như nói chuyện thăm thì, lúa như

đàn ong vàng đậu thành từng cụm

Khi mùa xuân về từ tổ cũ san đi

Thơ văn xuôi được sáng tác nhiều trong những năm cả nước chống Mỹ. Những sự kiện t
sống đời, những suy nghĩ cảm xúc mạnh mẽ ào ạt vào thơ. Có khi phải mô tả, phải ghi nhận
nhiều hình ảnh, sự việc... Tất cả những điều ấy đòi hỏi hình thức câu thơ phải chuyển biến, nó
kéo dài mới có thể chứa đựng nội dung phản ánh. Chế Lan Viên, Huy Cận, Xuân Diệu và
nhà thơ trẻ đã sử dụng thơ văn xuôi:

Đã là sự sống, thì chẳng bao giờ chán nản;

Những gian nhà Văn Điện, dù cho bom phá nát tai.

Khi mẹ trở lại thăm nhà, mẹ vẫn cứ mang trái
 tìm ví dại
 Dọn bếp hót tro, nhặt những chân ghế bàn còn lại
 Mẹ nhìn phân biệt bằng mắt yêu thương
 Cái chum đang còn đựng nước, miếng gương có
 thề soi gương

Không thể tiện tay vứt thanh gỗ làm thành mảnh củi

(Xuân Diệu - *Sự sống chẳng bao giờ chán nản*)

Cùng với những tìm tòi đổi mới cấu trúc câu thơ là những tìm tòi về vần và nhịp điệu trong thơ. Đối với thơ vẫn là quan trọng, nhưng như thế không có nghĩa vẫn là quyết định cái gì là thơ. Yêu cầu của Trần Mai Ninh không vãn mà vẫn gợi cảm, xúc động. Nhiều bài thơ của Nguyễn Đình Chiểu vẫn, gạt luật bên ngoài đi nhưng "có luật bên trong rất mạnh" ấy là cái hồn, cái âm thanh nhạc phong phú của câu thơ.

Phần lớn những bài thơ tự do đạt được hiệu quả truyền cảm là giữ được yếu tố nhịp điệu. Cách hiệp câu thơ sáng tạo làm tăng thêm khả năng diễn tả, tạo điều kiện cho tứ thơ bay bổng, phục vụ lực cho nội dung. Không chú ý đúng mức đến nhịp điệu sẽ hạn chế tính nhạc và có khi phá vỡ âm của câu thơ. Và từ đó làm sai lệch ý nghĩa của nội dung. Maiacôpxki nói: "Nhịp điệu là sức cơ bản, năng lực cơ bản của câu thơ. Không giải thích được nó đâu, chỉ có thể nói về nhịp điệu nói về từ lực hay điện. Từ lực và điện - đó là những dạng của năng lượng" (1). Như vậy trong thơ nhịp điệu giữ một vai trò hết sức quan trọng. Nó luôn luôn có tác dụng nâng đỡ cảm xúc, làm tăng sức biểu đạt của câu thơ, bài thơ.

Trong thơ tự do các nhà thơ chú ý tạo nhịp điệu, chú ý đến âm thanh bằng trắc trong một chừng nhất định để giữ được âm hưởng thơ.

Muôn ngàn đêm hẹn nhau họp đêm nay
 Bên Phan Lương nép bên rừng im lặng
 Ngang đời một tia vàng bay vút
 Một vầng sao sáng ngời muôn vầng sao

(Nguyễn Đình Thi - *Đêm sao*)

Xuân Diệu có cách ngắt nhịp câu thơ phù hợp với hơi thở trang nghiêm tôn kính khi viết về Bác (*Đứng bên chân Bác*). Thơ Tố Hữu bên cạnh những bài có nhịp điệu uyển chuyển, mềm mại là những bài ngắt nhịp ngắn, khỏe, rất linh hoạt như *Trước Kremlin*, *Với Lê nin*, *Tiếng chửi tre*, *Lều có*

Oa sinh tôn
 Buổi hoàng hôn
 Ôi những linh hồn
 Còn mất ?
 Đã đến phút lòng ta sáng nhất !
 Ta đốt thân ta
 Cho ngọn lửa chói lòa
 Sự thật.

(Emily con...)

Các nhà thơ Chế Lan Viên, Huy Cận... mở rộng câu thơ nhưng vẫn giữ được cái nhịp điệu hợp. Câu thơ vừa có dáng dấp hiện đại, mới mẻ, vừa phát huy được tính chất dân tộc. Đó là tìm tòi đúng đắn, có sáng tạo.

Thơ tự do ngày càng phát triển và trở thành một xu hướng quan trọng trong thơ ca Việt hiện đại. Nó tạo nên những sắc thái biểu hiện mới cho thơ. Qua việc khảo sát các tập thơ của hệ nhà thơ, các tập thơ ở từng giai đoạn, chúng ta sẽ thấy:

1. Từ kháng chiến chống thực dân Pháp qua hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền chống Mỹ cứu nước, tỉ lệ thơ tự do ngày càng tăng: 44% ở *Thơ ca kháng chiến* (1946 -1954) *Thơ đấu tranh thống nhất* (1954-1964) và 58% ở *Thơ chống Mỹ cứu nước* (1965-1967) ⁽²⁾

Những năm gần đây, thơ tự do chiếm ưu thế trên báo chí, trong các tuyển tập và các tập các tác giả.

2. Thơ tự do chiếm tỷ lệ cao nhất là ở các tập thơ của những cây bút trẻ (từ 60% trở đến các nhà thơ hình thành trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (từ 50% đến 60%). Và cuối các nhà thơ có quá trình sáng tác từ trước Cách mạng tháng Tám (từ 30% đến 50%).

Những ngày chống Mỹ thơ tự do tràn vào tất cả các tập thơ, nhưng sau đó các nhà trước Cách mạng lại trở về với các thể thơ cách luật dân tộc. Tỉ lệ thơ tự do trong các tập thơ tác giả này rất thấp, có khi không đáng kể. Điều này cũng là thường tình. Nhiều nhà thơ lớn như J. R. Bécso (1891-1958). A. Machadô (1875-1939) và R. Đexnôt (1900-1945)... qua nhu sáng tạo thơ tự do đến những năm sau của chặng đường sáng tác lại tìm đến thể thơ xônê ⁽³⁾.

Các nhà thơ trẻ vẫn là những tác giả xông xáo trong thơ tự do nhiều hơn và phần nào ứng được nhu cầu phản ánh cuộc sống phong phú bề bộn, sôi động. Đó là sự thể hiện rõ rệt nội dung thống nhất và gắn bó mật thiết với hình thức. Nội dung yêu cầu phải có hình thức thơ tự do có ưu thế, có khả năng phản ánh cuộc sống rộng rãi hơn bất cứ một thể thơ nào nhờ vậy nó gần gũi với cuộc sống hơn. Tuy nhiên trong thơ tự do cần khắc phục những biểu dãi, lạm dụng, thiếu lao động nghệ thuật đúng mức đã làm giảm sức truyền cảm của thơ, làm chất thơ, thơ rơi vào những suy luận chung chung, hoặc đồng dài vô bổ, nhất là ở một số cây b

CHÚ THÍCH

1. Xem *Dẫn luận nghiên cứu văn học - Văn tuyển - NXB Đại học Matxcova, 1979 tr.*

2. *Thơ ca kháng chiến NXB Giáo dục. H, 1970*

Thơ đấu tranh thống nhất - NXB Giáo dục. H, 1964.

Thơ chống Mỹ cứu nước - NXB Văn học. H, 1968.

3. Xem V. Atmônhi: *Thi pháp và hiện thực: NXB Nhà văn Xô viết, Leningrát : 281-282.*